

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DSST

Ngày: 04-01-2021

*V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa
Hoàng Thị Lan và Chị Lê Thị Thu H*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh

Ông Nguyễn Đại Đồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Quang- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2020/TLST-DSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/QDDST-DS ngày 24/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Đội ..., TDP Tế T, thị trấn Đại Ngh, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Lê Thị Thu H**, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Thôn , xã Phù LT, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày: Do tôi có quan hệ quen biết với Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1991, trú tại thôn 1, xã Phù Lưu Tế nên ngày 14/01/2019 tôi có cho Chị H vay số tiền 120.000.000 đồng, khi vay Chị H có tự viết và ký vào giấy nhận nợ, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/02/2019, trong giấy vay không thỏa thuận lãi mà chỉ thỏa thuận miệng tiền lãi 4,5%/tháng đối với tiền vay. Đến ngày 05/3/2019 Chị H lại vay của Bà L số tiền 150.000.000 đồng, lý do có việc vay tiền này là Chị H nhận xin việc cho con trai Bà L nên Bà L nể nang cho vay tiếp, khi vay Chị H tự viết và ký vào giấy nhận nợ. Tổng số tiền Chị H nợ Bà L là 270.000.000 đồng. Các khoản vay trên Chị H vay riêng không liên quan đến chồng con, gia đình Chị H. Sau khi vay Chị H mới chỉ thanh toán cho Bà L được 01 tháng tiền lãi theo thỏa thuận của khoản vay ngày 14/01/2019 là 5.400.000 đồng. Từ đó đến nay Chị H không thanh toán cho Bà L được khoản gốc, lãi nào nữa. Vì vậy Bà L đã khởi kiện yêu cầu Chị H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

Khoản tiền 120.000.000 đồng tính từ ngày 14/01/2019 tạm tính đến tháng 14/11/2020 là $22 \text{ tháng} \times 2,5\% \times 120.000.000 \text{ đồng} = 66.000.000 \text{ đồng}$.

Khoản 150.000.000 đồng tính từ ngày 05/3/2019 tạm tính đến tháng 05/11/2020 là $20 \text{ tháng} \times 2,5\% \times 150.000.000 \text{ đồng} = 75.000.000 \text{ đồng}$.

(Tổng cộng tiền lãi là 141.000.000 đồng)

Tổng cộng gốc và lãi Bà L yêu cầu Chị H phải thanh toán số tiền là 411.000.000 đồng.

Lời trình bày của Chị H: Bà Hoàng thừa nhận có việc tôi tự viết và ký vào giấy nhận nợ ngày 14/01/2019 với Bà Hoàng Thị L, nội dung là nhận số nợ 120.000.000 đồng nhưng thực chất Chị H chỉ vay của Bà L số tiền là 60.000.000 đồng. Lý do Bà L yêu cầu Chị H phải viết giấy nhận nợ như vậy là vì sợ Chị H không thanh toán được tiền nợ gốc Bà L còn có chi phí xử lý nợ. Chị H và Bà L thỏa thuận miệng tiền lãi với số tiền vay là 2000 đồng/triệu/ngày, từ khi vay Chị H có trả được 02 tháng tiền lãi cho chị Lan số tiền là 7.200.000 đồng, khi trả không viết giấy và không có người chứng kiến. Do hoàn cảnh khó khăn nên Chị H không trả được nợ cho Bà L, đến ngày 05/3/2019 Bà L viết lại giấy vay, yêu cầu Chị H biên nhận nợ với số tiền là 150.000.000 đồng để thay thế cho giấy vay nợ ngày 14/01/2019, tức là đến ngày 05/3/2019, tất cả Chị H còn nợ Bà L số tiền là 150.000.000 đồng. Chị H cũng đã tự viết và ký vào giấy nhận nợ. Vì chủ quan nên không xin lại giấy nhận nợ viết ngày 14/01/2019 nên Bà L có 02 giấy nhận nợ và khởi kiện. Khi viết và ký vào các giấy nhận nợ chỉ

có Chị H và Bà L biết với nhau. Thực chất Chị H chỉ nợ chị Lan tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Đến nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình tôi vẫn đang gặp khó khăn nên xin Bà L cho Chị H được trả dần số nợ trên.

Tại phiên tòa: Bà L trình bày trong giấy nhận tiền ngày 05/3/2019 có ghi lý do đưa cho Chị H số tiền là 150.000.000 đồng là tiền cho vay, do nhờ Chị H xin việc cho con trai nên mới đưa cho Hường vay thêm 150.000.000 đồng chứ không phải là đưa tiền cho Hường xin việc cho con trai Bà L. Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu Chị H trả nguyên gốc là 270.000.000 đồng, về lãi trong hạn, quá hạn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc Chị H trả lãi cho bà đối với 02 khoản vay trên theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai. Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục, quy trình và thực hiện xét xử công khai khách quan.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của Bà Hoàng Thị L buộc Chị H phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi thanh toán trả hết nợ.

Chị H phải chịu áp phí DSST theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa Chị H vắng mặt đến lần thứ hai vắng mặt, Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Về khoản vay: Bà L có yêu cầu trả nợ theo 02 giấy viết tay vay tiền do Chị H tự tay viết đều là giấy vay nợ có kỳ hạn và có lãi theo thỏa thuận miệng không ghi trong giấy vay. Bà L yêu cầu Chị H phải trả khoản và gốc và lãi này cho Bà L.

Xét tính hợp pháp của các giấy vay này. Chị H cho rằng thực chất chị chỉ được nhận số tiền vay là 60.000.000 đồng chứ không được nhận số tiền ghi trong 02 giấy vay có tổng tiền là 270.000.000. Do không hiểu biết, sau khi chót nợ ngày 05/3/2019 Chị H không xin lại giấy vay tiền viết ngày 14/01/2019 nên Bà L có 02 giấy nhận nợ và kiện khởi. Khi viết và ký vào các giấy nhận nợ chỉ có Chị H và Bà L biết với nhau do vậy không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc nhận tiền thực tế của Chị H. Mặt khác trong các giấy vay nợ, Chị H thừa nhận: Tay Chị H ký nhận và ghi rõ đã nhận đủ các số tiền đã ghi trong các giấy vay tiền do Bà L xuất trình. Do vậy HĐXX xác định số tiền của Chị H vay Bà L được căn cứ vào giấy vay tiền ngày 14/01/2019 và giấy vay tiền ngày 05/3/2019. Yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 270.000.000 đồng của Bà L được chấp nhận là phù hợp với quy định của điều 463, 466 470 BLDS 2015.

- Về lãi suất và tiền lãi: Trong các giấy vay không ghi mức lãi suất các bên áp dụng là bao nhiêu, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận việc vay nợ trên là có lãi. Mức lãi suất theo thỏa thuận miệng nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu được tính lãi của Bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên khai không thống nhất được mức lãi suất, (Bà L khai lãi suất thỏa thuận là 4,5%, Chị H khai lãi suất áp dụng cho cả 02 khoản vay là 2.000đ/triệu/ ngày = 6%/tháng) nên HĐXX cần áp dụng quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS là 10%/năm để xem xét mức lãi suất cho phù hợp pháp luật. Hết thời hạn của 02 khoản vay trên, Chị H mới chỉ trả được 01 tháng lãi theo thỏa thuận của khoản vay ngày 14/01/2019, không trả được gốc và toàn bộ lãi còn lại cho Bà L nên khoản vay này Bà L có yêu cầu tính lãi quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi là có căn cứ chấp nhận và được chuyển sang lãi quá hạn tối đa = 150% lãi suất trong hạn và bằng 15%/năm (bằng 1.25%/tháng). Cụ thể tiền lãi tiền lãi được tính như sau:

1./ Đối với khoản vay ngày 14/01/2019, Bà L thừa nhận đã trả được 01 tháng lãi nên khoản vay ngày được tính bằng 01 tháng lãi trong hạn là 120.000.000 đồng * 10/năm/12 tháng = 996.000 đồng.

Ngày tính lãi quá hạn được tính từ 14/02/2019 tính đến ngày xét xử 04/01/2021, Bà L nhất trí làm tròn là 22 tháng: Số tiền lãi quá hạn là 120.000.000 đồng x 1.25%/(tháng) x 22 (tháng) = 33.000.000 đồng.

2./ Đối với khoản vay ngày 05/3/2019 tính đến ngày xét xử 04/01/2020 làm tròn là 22 tháng: Số tiền là 150.000.000 đồng x 1.25%/(tháng) x 22 (tháng) = 41.250.000 đồng.

Chị H trình bày đã trả Bà L được 02 tháng lãi của khoản vay 120.000.000 đồng = 7.200.000 đồng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Chị H đã trả khoản tiền trên cho Bà L. Phía Bà L trình bày Chị H chỉ trả được 01 tháng lãi với số tiền là: 5.400.000 đồng. Hội đồng xét xử cần chấp nhận mức lãi Chị H đã trả theo quan điểm của Bà L và được trừ vào số dư nợ lãi được tính như sau: 996.000đ + 33.000.000đ + 41.250.000đ – 5.400.000 đ (lãi đã trả). Chị H còn phải trả cho Bà L số dư nợ lãi của 02 khoản vay trên là: 69.846.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của Bà L, cần buộc Chị H phải trả cho Bà L các khoản tiền nguyên gốc là 270.000.000 đồng + 69.846.000 đồng lãi quá hạn chưa trả = 339.846.000 đồng.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo pháp luật.

Hoàn trả cho Bà Hoàng Thị L số tiền 6.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002963 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Lê Thị Thu Hường phải trả Bà Hoàng Thị L tổng số tiền cả gốc và lãi đối với 02 giấy nhận tiền lập ngày: 14/01/2019 và giấy vay lập ngày 05/3/2019 là: **339.846.000** (ba trăm ba mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng); Nợ lãi quá hạn: 69.846.000 đồng. (sáu mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.992.000 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm chín hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho Bà Hoàng Thị L tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002963 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội số tiền là: 6.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo

hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không

liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

